

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 29-01-2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký.
2. Ông Lê Văn Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân Dân sự thụ lý số 133/2018/DSST - TLST ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/DSST-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị X - Sinh năm: 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hữu T – Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Lương Thị B – Sinh năm: 1960.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N, nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày:

Về hôn nhân: chị Hà Thị X và anh Lê Hữu T là vợ chồng, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04 tháng 12 năm 2013. Anh chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là trong quá trình vợ, chồng chung sống anh chị thường Xuyên cãi vã do tính T và quan điểm sống không hợp nhau. Từ tháng 06 năm 2015 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Chị X xét thấy T cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T để anh chị chấm dứt T trạng hôn nhân này.

Về con chung: Chị X và anh T không ai có con riêng và không có con chung. Vì vậy không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hà Thị X không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

Theo bản tự khai ngày 06/12/2018 và biên bản hòa giải không thành lần thứ nhất ngày 07/12/2018, biên bản hòa giải không thành lần thứ 2 ngày 25/12/2018 tại Tòa án nhân dân huyện N, bị đơn anh Lê Hữu T trình bày: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị X về T trạng hôn nhân và con chung. Nhưng anh T nhận thấy T cảm vợ chồng đang còn, T trạng hôn nhân có thể cải thiện được nên không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị X.

Về con chung: Chị X và anh T không ai có con riêng và không có con chung. Vì vậy không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng, bà Lương Thị B (mẹ đẻ anh T) trình bày: Chị X và anh T kết hôn với nhau vào ngày 04/12/2013, có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hiện nay, chị X và anh T đang có hộ khẩu thường trú tại gia đình bà B, trước kia là thôn Y, nay đổi thành thôn M, xã Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chị X và anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 06 năm 2015 đến nay vợ chồng chị X và anh T đã sống ly thân. Hiện nay, hai vợ chồng chị X và anh T mỗi người làm mỗi nơi, không còn chung sống với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng chị X và anh T cũng chưa có con chung.

Theo ý kiến của bà B nếu xét thấy T cảm không còn, không thể hàn gắn thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị X được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật để các bên chuyên tâm vào công việc làm ăn và xây dựng hạnh phúc mới.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, Trưởng thôn M và cán bộ Tư pháp xã Y trình bày: Chị X và anh T có hộ khẩu thường trú tại khu Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn M, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị kết hôn với nhau vào ngày 04/12/2013, có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 06 năm 2015 đến nay vợ chồng chị X và anh T không còn ở chung với nhau và đã sống ly thân. Nay chị X làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Theo ý kiến của địa phương, nếu chị X và anh T không thể hòa hợp thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật để các bên chuyên tâm vào công việc làm ăn và xây dựng hạnh phúc mới.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký và hội thẩm nhân dân chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 227 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Hà Thị X không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng bị đơn anh Lê Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nay là thôn M, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bị đơn anh Lê Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử không có lý do chính đáng đã được Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết, nên theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Hà Thị X và đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Hữu T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị X và anh Lê Hữu T kết hôn với nhau theo đúng nghi thức và đăng ký chứng nhận kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/12/2013. Căn cứ vào Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì chị X và anh T đủ điều kiện kết hôn với nhau, thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh do mâu thuẫn, nguyên nhân do tính T không hợp, đến nay mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng và anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian từ khoảng tháng 06 năm 2015 đến nay. Theo trình bày của người làm chứng và chính quyền địa phương chị X và anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 06 năm 2015 đến nay chị X và anh T đã không còn ở với nhau và sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh T không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Chị X và anh T xác nhận vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí và Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Căn cứ vào Điều 6; 9 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị X là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 57 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị X

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị X được ly hôn với anh Lê Hữu T.

Về con chung: Chị X và anh T chưa có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng chị X được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0003364 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, chị X đã nộp đủ án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/01/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Người làm chứng;
- UBND xã Y;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn